Ký bởi: Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 28/2026/NQ-HĐND	*Điện Biên, ngày 16 tháng 7 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, mức chi quản lý, thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Điện Biên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ

trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Xét Tờ trình số 6110/TTr-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi quản lý, thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Điện Biên; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội của Hội đồng nhân dân tỉnh số 97/BC-VHXH ngày 14 tháng 7 năm 2026; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi quản lý, thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Điện Biên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định về nội dung và mức chi quản lý, thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KHCN và ĐMST) có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Các nội dung chi từ nguồn kinh phí đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ KHCN và ĐMST cấp Bộ, cấp Quốc gia được áp dụng định mức chi theo quy định của Nghị quyết này.

3. Các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở thực hiện từ nguồn kinh phí được giao theo quy định tại tiểu điểm a3 điểm a khoản 7 Điều 6 của Nghị định số 265/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được áp dụng quy định tại Nghị quyết này trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

4. Các nội dung chi từ nguồn vốn khác ngoài ngân sách nhà nước được huy động để thực hiện nhiệm vụ KHCN và ĐMST khuyến khích áp dụng định mức chi theo quy định của Nghị quyết này.

5. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo các quy định của Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN, Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN và các văn bản có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực KHCN và ĐMST có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Điện Biên và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Một số nội dung và mức chi quản lý hoạt động KHCN và ĐMST

1. Chi hoạt động của các Hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, như sau:

a) Chi tiền thù lao

Đơn vị tính: 1.000 đồng/1 người/1 phiếu nhận xét

Stt	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi tối đa
1	**Chi Hội đồng: xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ KHCN và ĐMST; tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KHCN và ĐMST; xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; xác định danh mục đổi mới sáng tạo đặt hàng; xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất vay; xác định danh mục các chương trình hỗ trợ tài chính, phân bổ kinh phí đối với từng chương trình hỗ trợ tài chính; tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển**		
a	Chi họp Hội đồng	Hội đồng	
-	Chủ tịch Hội đồng		1.250
-	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng		1.050
-	Thư ký khoa học		210
-	Thư ký hành chính		210
-	Đại biểu được mời tham dự		140
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	
-	Nhận xét đánh giá của Phó Chủ tịch Hội đồng, thành viên (ủy viên) Hội đồng		450
-	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện		700
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ	

-	Chủ tịch Hội đồng		450
-	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng		350
2	**Chi Hội đồng tư vấn điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ KHCN và ĐMST; chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo**		
a	Chi họp Hội đồng	Hội đồng	
-	Chủ tịch Hội đồng		1.050
-	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		700
-	Thư ký khoa học		210
-	Thư ký hành chính		210
-	Đại biểu được mời tham dự		140
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	
-	Nhận xét đánh giá của Phó Chủ tịch Hội đồng, thành viên (ủy viên) Hội đồng		350
-	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện		450
3	**Chi Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ KHCN và ĐMST**		
a	Chi họp Hội đồng	01 Nhiệm vụ có 01 hoặc nhiều đơn vị có nhu cầu ứng dụng kết quả	
-	Chủ tịch Hội đồng		1.250
-	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		1.050
-	Thư ký khoa học		210
-	Thư ký hành chính		210
-	Đại biểu được mời tham dự		140
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	

-	Nhận xét đánh giá của Phó Chủ tịch Hội đồng, thành viên Hội đồng		450
-	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, thành viên phản biện		700
4	**Chi Hội đồng tư vấn đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập, chương trình, chính sách, chiến lược**		
a	Chi họp Hội đồng	Hội đồng	Theo công lao động thực tế và mức chi lương của chuyên gia tư vấn quy định tại Thông tư số 7/2026/TT-BNV quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu.
-	Chủ tịch Hội đồng	Công	
-	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng	Công	
-	Thư ký khoa học	Công	
-	Thư ký hành chính	Công	
b	**Chi nhận xét đánh giá**	01 phiếu nhận xét	
	Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng (bao gồm: Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng)		700
5	**Chi thù lao chuyên gia tư vấn độc lập; chuyên gia tư vấn độc lập phục vụ Hội đồng; chuyên gia tư vấn độc lập tham gia Tổ chuyên gia**	Chuyên gia	1.050

b) Dự toán chi thù lao của các Hội đồng khác quy định tại Điều 3 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN được áp dụng tối đa bằng 70% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 điểm a khoản này.

c) Các nội dung chi khác (thuê hội trường, văn phòng phẩm, nước uống, công tác phí chuyên gia và các chi phí cần thiết khác) được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật (nếu có).

2. Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Chi tiền thù lao:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi tối đa
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	700
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	450
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	210
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	140

b) Chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định (thuê hội trường, văn phòng phẩm, nước uống, công tác phí và các chi phí cần thiết khác) được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật.

3. Chi thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ KHCN và ĐMST trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): Thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có); thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

4. Dự toán chi công tác kiểm tra, khảo sát cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức chủ trì trước khi xem xét phê duyệt nhiệm vụ; kiểm tra, đánh giá trong kỳ và đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ KHCN và ĐMST; đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ KHCN và ĐMST.

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra, đánh giá được xây dựng theo quy định tại Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND quy định mức chi công tác phí, chế độ hội nghị của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

b) Dự toán chi tiền thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn kiểm tra, khảo sát cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức chủ trì; đoàn đánh giá trong kỳ nhiệm vụ KHCN và ĐMST được áp dụng tối đa bằng 35% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ KHCN và ĐMST. Đối với đoàn kiểm tra, khảo sát cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức chủ trì trước khi xem xét phê duyệt nhiệm vụ, dự toán chi được xây dựng trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Dự toán chi tiền thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập để đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ KHCN và ĐMST; đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo được

áp dụng tối đa bằng 70% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ KHCN và ĐMST quy định tại mục 1 và mục 5 điểm a khoản 1 Điều này.

5. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ (nếu có) thực hiện theo quy định đối với dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ thực hiện nhiệm vụ KHCN và ĐMST, như sau:

a) Người chủ trì hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 1.400.000 đồng/buổi;

b) Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 450.000 đồng/buổi;

c) Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 3.500.000 đồng/báo cáo;

d) Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo khoa học: 2.100.000 đồng/báo cáo;

đ) Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 210.000 đồng/thành viên/buổi.

6. Đối với chương trình KHCN và ĐMST của tỉnh có thành lập các Ban Chủ nhiệm chương trình: Mức chi tối đa thù lao các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Ban Chủ nhiệm chương trình áp dụng theo mức chi cho thành viên hội đồng của Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ KHCN và ĐMST quy định tại mục 3 điểm a khoản 1 Điều này. Mức chi tối đa cho các hoạt động của Ban Chủ nhiệm chương trình thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Các khoản chi cho đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập; tổ chức đánh giá kết quả, hiệu quả và tác động của chương trình, chính sách, chiến lược, kế hoạch tổng thể về KHCN và ĐMST 05 năm và kế hoạch về KHCN và ĐMST 05 năm của tỉnh được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật có liên quan, bao gồm:

a) Chi quản lý, lập kế hoạch và đánh giá.

b) Chi xây dựng bộ tiêu chí, biểu mẫu, công cụ thu thập dữ liệu: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 37/2022/TT-BTC.

c) Chi xây dựng, cập nhật, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ công tác đánh giá: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 39/2026/TT-BKHCN quy định lập và quản lý chi phí trong hoạt động đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ cho chuyển đổi số sử dụng ngân sách nhà nước.

d) Chi tổng hợp, phân tích, thống kê kết quả đánh giá: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 37/2022/TT-BTC.

đ) Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ đánh giá cho cán bộ, chuyên gia: thực hiện theo Nghị quyết số 25/2020/NQ-HĐND ban hành quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

e) Chi cho công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ thực hiện đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

Mức chi tối đa thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học thực hiện theo khoản 5 Điều này.

Các nội dung dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu khác: Thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND; Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ban hành Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Thông tư số 140/2025/TT-BTC quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

Dự toán phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn ở trong nước và nước ngoài phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được lập căn cứ vào mức phí tham gia do Ban tổ chức thông báo.

g) Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu phục vụ quá trình thực hiện đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 37/2022/TT-BTC.

h) Chi công bố, tổng kết, công khai kết quả đánh giá: Thực hiện chi theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ và quy định của pháp luật trong phạm vi dự toán kinh phí đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

i) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ quá trình thực hiện đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Thực hiện chi theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ và quy định của pháp luật trong phạm vi dự toán kinh phí đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

k) Chi thù lao cho Hội đồng tư vấn đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập, chương trình, chính sách, chiến lược quy định tại mục 4 điểm a khoản 1 Điều này.

8. Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập, dịch vụ thuê ngoài phục vụ đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ; phân tích, đánh giá, kiểm định chất lượng dây chuyền công nghệ, sản phẩm, máy móc, thiết bị được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và theo mức lương của chuyên gia tư vấn quy định tại Thông tư số 7/2026/TT-BNV.

9. Chi tổ chức xây dựng kế hoạch về KHCN và ĐMST 05 năm của Ủy ban nhân dân tỉnh được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Chi điều tra, khảo sát, thu thập và phân tích thông tin: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 37/2022/TT-BTC.

b) Chi thuê chuyên gia tư vấn, tổ chức tư vấn độc lập để xây dựng hoặc đánh giá: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 7/2026/TT-BNV; các chi phí cần thiết khác theo chế độ, định mức hiện hành (nếu có), các báo giá liên quan và quy định của pháp luật về đấu thầu.

c) Chi cho công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ quá trình xây dựng kế hoạch: Thực hiện theo quy định tại điểm e khoản 7 Điều này.

d) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ quá trình xây dựng kế hoạch: thực hiện chi theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ và quy định của pháp luật về đấu thầu trong phạm vi dự toán kinh phí cho nhiệm vụ này đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Chi công tác thông tin, tuyên truyền, công bố kế hoạch trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): thực hiện theo quy định pháp luật về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả;

e) Các khoản chi khác như chi mua báo cáo, tài liệu, dữ liệu chuyên sâu để phục vụ quá trình xây dựng kế hoạch: Thực hiện theo quy định pháp luật về chế độ và định mức chi ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 4. Nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ KHCN và ĐMST

1. Thù lao tham gia nhiệm vụ KHCN và ĐMST

a) Mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN và ĐMST tối đa không quá 49 triệu đồng/người/tháng. Đối với các chức danh, nhóm chức danh khác, mức chi tối đa không quá 39 triệu đồng/người/tháng và tối đa không vượt hệ số lao động khoa học của các chức danh quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ KHCN và ĐMST của các chức danh, nhóm chức danh thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 9, Điều 10, Điều 13 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

b) Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có): Tính theo mức lương tối thiểu vùng áp dụng đối với địa bàn

tỉnh Điện Biên tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ KHCN và ĐMST (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương tháng chia cho 26 ngày).

2. Thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ KHCN và ĐMST

a) Thuê chuyên gia trong nước: Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung thuê chuyên gia trong nước không quá 20% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao quy định tại khoản 1 Điều này.

Trường hợp đặc biệt cần vượt tỷ lệ nêu trên, cơ quan chủ trì phải thuyết minh rõ sự cần thiết, phạm vi công việc, sản phẩm, thời gian huy động chuyên gia, báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp Sở Tài chính thẩm định, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ xem xét, quyết định.

b) Thuê chuyên gia ngoài nước: Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung thuê chuyên gia ngoài nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao quy định tại khoản 1 Điều này.

Trường hợp nhiệm vụ KHCN và ĐMST thuộc lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ đặc thù hoặc công nghệ lõi của chuyển đổi số có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung thuê chuyên gia ngoài nước vượt quá quy định này, cơ quan chủ trì phải thuyết minh rõ sự cần thiết, phạm vi công việc, sản phẩm, thời gian huy động chuyên gia, báo cáo cơ quan quản lý nhiệm vụ KHCN và ĐMST có sử dụng ngân sách nhà nước xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

3. Dự toán chi mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, mẫu vật, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sở hữu và sử dụng đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ, mua quyền truy cập cơ sở dữ liệu phục vụ thực hiện nhiệm vụ KHCN và ĐMST; chi sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phục vụ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KHCN và ĐMST được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc và quy định tại Điều 15, Điều 16 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

4. Chi công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ KHCN và ĐMST: Thực hiện theo quy định tại điểm e khoản 7 Điều 3 Nghị quyết này.

5. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 37/2022/TT-BTC.

6. Dự toán chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN và ĐMST: Được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá với mức chi không quá 35% mức chi họp Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ KHCN và ĐMST được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.

7. Dự toán chi cho tổ chức chủ trì để thực hiện công tác quản lý chung nhiệm vụ KHCN và ĐMST (bao gồm các chi phí liên quan đến tổ chức, giám sát triển

khai thực hiện, chi phí hành chính để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ KHCN và ĐMST tại tổ chức chủ trì): bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN và ĐMST có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 350 triệu đồng/nhiệm vụ.

8. Dự toán chi khác (xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ; phổ biến, tuyên truyền kết quả thực hiện nhiệm vụ) và các khoản chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN và ĐMST (nếu có): Thực hiện dự toán theo thuyết minh hoặc theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước; thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

Điều 5. Nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ KHCN và ĐMST để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo

Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại các Điều 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34 và 35 Mục 4 Chương II Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

Điều 6. Kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Các nguồn kinh phí thực hiện các chương trình, nhiệm vụ khác của tỉnh, của Trung ương có nội dung triển khai các nhiệm vụ KHCN và ĐMST.

3. Nguồn thu được để lại theo quy định, nguồn tài trợ, nguồn ủng hộ (nếu có).

Điều 7. Mức bảo đảm của ngân sách nhà nước để xét tài trợ thực hiện nhiệm vụ KHCN và ĐMST

Việc xác định mức bảo đảm ngân sách nhà nước để xét tài trợ thực hiện nhiệm vụ KHCN và ĐMST được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

Điều 8. Nguồn kinh phí đối ứng và nguồn kinh phí hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện chương trình, nhiệm vụ

Việc xác định, quản lý và huy động nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước (bao gồm nguồn kinh phí đối ứng của tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp và nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác) thực hiện theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 4 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2026.

2. Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định định mức xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với nhiệm vụ KHCN và ĐMST được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định có hiệu lực tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên khoá XVI, Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2026.

Nơi nhận:
- Uỷ ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế các Bộ: KH và CN, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh uỷ; TT HĐND tỉnh; Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Uỷ ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Điện Biên;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trang TTĐT tổng hợp Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Lê Thành Đô